Công ty Cổ phần Thuỷ hải sản Việt Nhật

Mẫu số: B02-DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho quý II kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2011	Năm 2011	Quý 2/2010	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	19 404 625 912	35 718 689 160	20 129 529 106	32 616 966 839
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(6.1)	203 178 300	203 178 300	1 550 456 967	1 550 456 967
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		19 201 447 612	35 515 510 860	18 579 072 139	31 066 509 872
4. Giá vốn hàng bán	11		12 371 765 024	23 255 693 809	11 029 448 226	19 224 016 369
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6 829 682 588	12 259 817 051	7 549 623 913	11 842 493 503
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.2)	40 886 901	43 458 394	7 354 493	45 354 783
7. Chi phí tài chính	22	(6.3)	3 805 934 008	5 662 538 676	1 675 106 226	3 094 453 283
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2 189 934 106	4 032 504 813	1 363 620 195	2 734 782 045
8. Chi phí bán hàng	24		563 545 075	1 483 908 200	638 436 318	1 263 746 933
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1 152 613 007	2 120 314 331	1 087 566 942	1 888 816 456
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		1 348 477 399	3 036 514 238	4 155 868 920	5 640 831 614
11. Thu nhập khác	31					
12. Chi phí khác	32		8 181 818	349 431 818	108 781 818	116 963 636

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2/2011	Năm 2011	Quý 2/2010	Năm 2010
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(8 181 818)	(349 431 818)	(108 781 818)	(116 963 636)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1 340 295 581	2 687 082 420	4 047 087 102	5 523 867 978
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.4)	411 389 049	748 085 759	1 063 467 963	1 432 663 182
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		928 906 532	1 938 996 661	2 983 619 139	4 091 204 796
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		116	242	372	510

Ngày 25 tháng 07 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN CÔNG THƠ	*NGUYỄN VĂN NHỰT*

Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 060/11/CV-VSC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2011

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế quý 2/2011 giảm

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

Trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý 2/2011 của Công ty Cổ phần thủy hải sản Việt Nhật: chỉ tiêu lợi nhận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 2/2011: 928.906.532 đồng, so với lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2/2010: 2.983.619.139 đồng, giảm 2.054.712.607 đồng.

Thực hiện theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC, Công ty Cổ phần Thủy hải sản Việt Nhật xin được giải trình như sau:

1. Chỉ tiêu lợi nhuận gộp: Quý 2/2011: 6.829.682.588 đồng so với quý 2/2010: 7.549.623.913 đồng, giảm 719.941.325 đồng lý do:
Giá mua nguyên liệu thuỷ sản và vật tư đầu vào quý 2/2011 so với giá mua nguyên liệu thuỷ sản và vật tư đầu vào quý 2/2010 tăng từ 15 đến 20%. Nhưng giá bán thành phẩm chỉ tăng từ 10 đến 15%.

2. Chỉ tiêu doanh thu hoạt động tài chính: Quý 2/2011: 40.886.901 đồng so với quý 2/2010: 7.354.493 đồng, tăng: 33.532.408 đồng. Lý do lãi suất tiền mà Công ty cho cán bộ nhân viên vay tăng hơn so với quý 2/2010.

3. Chỉ tiêu chi phí tài chính: quý 2/2011: 3.805.934.008 đồng, so với quý 2/2010: 1.675.106.226 đồng, tăng: 2.130.827.782 đồng. lý do:
+ Tiền trả lãi vay ngân hang quý 2/2011: 2.189.934.106 đồng so với quý 2/2010: 1.363.620.195 đồng, tăng 826.313.911 đồng , lý do: lãi suất tiền vay quý 2/2011: 19,66% so với quý 2/2010: 14,66%, tăng 5%.
+ Lỗ chênh lệch tỷ giá 6 tháng đầu năm 2011: 1.609.370.158 so với 6 tháng đầu năm 2010: 293.575.519 đồng, tăng 1.315.794.639 đồng, lý do: tỷ giá USD tại ngày 31/12/2010: 19.500 đ/USD và tại ngày 30/06/2011: 20.580 đ/USD, tăng 1.080 đồng. Số dư tiền vay USD ngắn hạn bình quân 6 tháng đầu năm tại ngân hàng 1,490,158.00 USD.
+ Trả lãi thuê xe tài chính quý 2/2011: 6.629.744 đồng so với quý 2/2010: 17.910.512 đồng, giảm 11.280.768 đồng.

4. Chỉ tiêu chi phí bán hàng: Quý 2/20111: 563.545.075 đồng so với quý 2/2010: 638.436.318 đồng, giảm: 74.891.243 đồng, lý do: Hàng trả về quý 2/2011: 203.178.300 đồng, so với quý 2/2010: 1.550.456.967 đồng, giảm 1.347.278.667 đồng dẫn đến giảm được cước tàu vận chuyển hàng trả về.

5. Chỉ tiêu Chi phí quản lý quý 2/2011: 1.152.613.007 đồng so với quý 2/2010: 1.087.566.942 đồng , tăng 65.046.065 đồng lý do là khoản tiền lương của cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp quý 2/2011 so quý 2/2010 tăng.

5. Chỉ tiêu Chi phí khác: quý 2/2011: 8.181.818 đồng so với quý 2/2010: 108.781.818 đồng, giảm 100.600.000 đồng. Lý do: quý 2/2011 chỉ có chi: 8.181.818 đồng là phí quản lý sổ cổ đông và lưu ký tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á.

6. Chi tiêu Lợi nhuận kế toán trước thuế quý 2/2011: 1.340.295.581 đồng so với lợi nhuận kế toán trước thuế quý 2/2010: 4.047.087.102 đồng, giảm: 2.706.791.521 đồng gồm:
719.941.325 – 33.532.408 +2.130.827.782 – 74.891.243 + 65.046.065 – 100.600.000 = 2.706.791.521

7. Theo luật doanh nghiệp: Chi phí lãi vay tương ứng với số vốn góp chưa đủ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bị loại ra không được xem là chi phí, phải loại trừ khi tính thuế:
Chi phí lãi vay loại trừ 6 tháng đầu năm 2011: 305.260.614 đồng, so với 6 tháng đầu nam 2010: 272.435.326 đồng, tăng 32.825.288 đồng.

8. Lợi nhuận sau thuế quý 2/2011 so với quý 2/2010 giảm:

2.706.791.521 + 32.825.288 = 2.739.616.809 x 75% (loại 25% thuế TNDN) = 2.054.712.607 đồng

Trên đây là những nguyên nhân làm chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 2/2011 so với quý 2/2010 giảm 2.054.712.607 đồng. Kính mong Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng khoán TP.HCM xem xét.

Trân trọng kính chào.

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Nhựt

Nơi nhận:
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng khoán TP.HCM
- Lưu Phòng Kế toán, Phòng Nhân sự